

Số: 122/BC-TL

Quảng Trị, ngày 20 tháng 6 năm 2024

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ
THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023**

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023:

Công ty TNHH MTV QLKT Công trình Thủy lợi Quảng Trị là doanh nghiệp hoạt động công ích, do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, được UBND tỉnh giao quản lý 02 đập dâng, 17 hồ chứa với tổng dung tích trên 200 triệu m³ nước; 29 trạm bơm có tổng công suất trên 1500 Kw/h; 10 cống, đập ngăn mặn; trên 677 km kênh mương. Tổng giá trị tài sản trên 1.639 tỷ đồng với nhiệm vụ chủ yếu là cung cấp nước tưới tiêu cho trên 32.700 ha/năm diện tích sản xuất nông nghiệp của 8 huyện thị, thành phố trong tỉnh; ngoài ra còn cấp nước phục vụ cho dân sinh và các ngành kinh tế khác.

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm so với kế hoạch:

Trước tình hình diễn biến thời tiết ngày càng bất lợi, do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu toàn cầu. Để đảm bảo công tác tưới tiêu phục vụ sản xuất, hàng năm ngay từ đầu vụ Đông Xuân, Công ty đã chủ động lập Phương án chống hạn cho các hệ thống ngay từ đầu vụ; đưa ra các giải pháp tưới hỗ trợ; có kế hoạch giãn lịch tưới để tiết kiệm nước, với mục tiêu dự trữ nước các hồ đủ tưới cho vụ Hè thu, vận động các HTX be bờ giữ nước tại ruộng ngay từ đầu vụ để gieo cấy hạn chế sử dụng nước hồ. Lập kế hoạch tưới cụ thể cho từng hồ đập, phân đầu phục vụ tối đa cho sản xuất nông nghiệp.

Năm 2023, được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của UBND tỉnh, trực tiếp là Sở NN&PTNT cùng với sự phối hợp chặt chẽ giữa các địa phương, đơn vị dùng nước trên địa bàn và sự đồng tâm hiệp lực của tập thể CBCNV-LĐ trong toàn đơn vị, bằng các biện pháp tưới tiêu khoa học hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả. Công ty đã thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cấp nước tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp đảm bảo diện tích kế hoạch được giao. Trong năm 2023, Công ty đã đạt được một số kết quả chủ yếu như sau:

BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Giá trị thực hiện
1-	Sản phẩm chủ yếu sản xuất			
a)	Sản phẩm dịch vụ công ích	ha	32.796,1	32.815,2
b)	Sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác	m ³	330.000	964.064

2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	38,93	44,72
	- Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	Tỷ đồng	37,26	37,28
	- Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác	Tỷ đồng	0,27	0,79
	- Hoạt động tài chính (lãi ngân hàng)	Tỷ đồng	0,50	2,67
	- QL, VH đập ngăn mặn Sông Hiếu	Tỷ đồng	0,90	0,89
	- Ngân sách cấp hỗ trợ	Tỷ đồng		3,09
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng		
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng		
5	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước	Tỷ đồng	0,115	0,115
6	Kim ngạch xuất nhập khẩu (nếu có)	Tỷ đồng		
7	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)	ha	32.796,1	32.815,2
8	Tổng số lao động (bao gồm VCQL)	Người	281	272
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	21,304	20,656
a)	Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	1,093	1,093
b)	Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	20,210	19,563

a) Tổng diện tích cung cấp tưới tiêu trong năm thực hiện là: 32.796,1ha/32.815,3ha đạt 100,1% kế hoạch.

Đây là nhiệm vụ chủ yếu và trọng tâm của doanh nghiệp nên Công ty đã tập trung chỉ đạo các đơn vị thành viên bám sát công trình, bám sát đồng ruộng để thực hiện nhiệm vụ.

Diện tích kế hoạch: 32.796,1ha (Theo QĐ số 3175/QĐ-UBND ngày 12/12/2022)

Diện tích thực hiện: 32.815,2 ha

Như vậy Công ty đã cố gắng tưới đạt diện tích kế hoạch được giao.

b) Khối lượng cung cấp nước công nghiệp và sinh hoạt: Sản lượng cung cấp là 964.064m³/330.000m³ đạt 292% so với kế hoạch được duyệt.

c) Tổng doanh thu trong năm:

- Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi: 37,28 tỷ/37,26 tỷ đạt 100,1% kế hoạch.

- Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác: 0,79 tỷ/0,27 tỷ đạt 292% kế hoạch.

- Hoạt động tài chính (lãi ngân hàng): 2,67tỷ/0,50tỷ đạt 534%.

- Kinh phí cấp quản lý vận hành đập ngăn mặn Sông Hiếu: 0,89/0,9 tỷ

- Ngân sách cấp hỗ trợ: 3,09 tỷ đồng

d) Lợi nhuận: Công ty là doanh nghiệp hoạt động công ích nên kế hoạch không giao chỉ tiêu lợi nhuận.

e) Nộp ngân sách trong năm thực hiện: 0,115 tỷ đồng.

2. Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty:

2.1. Thuận lợi:

Năm 2023 các hồ đập đều trữ nước đạt dung tích thiết kế, nên nguồn nước tưới đảm bảo. Công tác tưới tiêu nhìn chung thuận lợi, không có xảy ra hạn hán xâm nhập mặn bất thường.

Công tác chỉ đạo điều hành sản xuất của đơn vị đi vào nền nếp, bảo đảm sự điều hành thống nhất, tập trung từ Công ty đến các Xí nghiệp thành viên và cụm tổ. Đội ngũ CBCNV-LĐ luôn có tinh thần trách nhiệm, có trình độ chuyên môn và có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý tưới tiêu và công tác phòng chống thiên tai; luôn có tinh thần đoàn kết, đồng tâm hiệp lực, không ngại khó khăn gian khổ nhằm hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

2.2. Về khó khăn:

a) Về kinh phí cho hoạt động sản xuất:

Đây là khó khăn mà Công ty phải đối diện hàng năm. Nguồn kinh phí của Công ty được Nhà nước cấp hỗ trợ trên cơ sở diện tích tưới tiêu phục vụ. Từ năm 2013 đến nay định mức cấp bù thủy lợi phí của Nhà nước không thay đổi và diện tích tưới tiêu của Công ty tăng không đáng kể. Trong khi đó do biến động giá cả, tiền lương, vật tư nhiên liệu tiền điện bơm tưới hàng năm đều tăng. Nên nguồn thu không đủ để chi thường xuyên. Hàng năm, UBND tỉnh chỉ giao kế hoạch các khoản chi gói gọn trong tổng doanh thu của Công ty. Nên nhiều khoản chi bị cắt như kinh phí bảo trì, kinh phí tiền bơm điện...

Ngay từ đầu năm, Công ty được UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023, với tổng kế hoạch thu-chi là: 38.031,45 triệu đồng (Kế hoạch hàng năm của Công ty để đảm bảo hoạt động là 61 tỷ đồng). Do mức giá không đảm bảo nên một số khoản chi phí không đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất, cụ thể:

- Chi khấu hao tài sản cố định cắt giảm hoàn toàn: Không có để cân đối (Thiếu 1,12 tỷ đồng).

- Chi quản lý doanh nghiệp: Thiếu 1,3 tỷ đồng so với Định mức kinh tế kỹ thuật được UBND tỉnh phê duyệt.

- Việc hỗ trợ 02 quỹ khen thưởng, phúc lợi, theo quy định tương ứng với 02 tháng lương cơ bản là 3,5 tỷ đồng. Do nguồn ngân sách khó khăn nên năm 2023 UBND tỉnh không hỗ trợ 02 quỹ khen thưởng phúc lợi, do đó chế độ thưởng vào các dịp lễ tết rất hạn chế, chưa động viên được người lao động.

- Về Chi phí khác liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi (Cắm mốc chỉ giới bảo vệ; lập quy trình vận hành cho các hồ chứa; kiểm định an toàn đập; cấp phép giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; cấp phép khai thác sử dụng nguồn nước; lập phương án bảo vệ môi trường; xây dựng khu lưu giữ, thực hiện quản lý chất thải...): Cần tối thiểu là 11,51 tỷ/năm (Kế hoạch 5 năm) để đảm bảo cho đơn vị thực hiện; hoàn thiện các nội dung theo Nghị định 114/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa; hiện tại đã quá hạn phải thực hiện theo yêu cầu của tại văn bản số 5673/UBND-NN ngày 13/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc tổ chức triển khai thi hành hệ thống pháp luật về Thủy lợi.

b) Về công tác quản lý, vận hành an toàn hồ, đập:

Công ty hiện đang quản lý 19 hồ, đập (17 hồ chứa; 02 đập dâng). Thực hiện

Nghị định 114/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước; Văn bản số 5673/UBND-NN ngày 13/12/2018 của UBND tỉnh về việc tổ chức triển khai thi hành hệ thống pháp luật về Thủy lợi. Năm năm qua (từ 2019 đến nay) Công ty đã triển khai thực hiện 16 nội dung quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước trong điều kiện khó khăn về kinh phí; nguồn thu không đủ chi. Do đó, đối với những nội dung có thể thực hiện được như: Đăng ký tờ khai an toàn đập, hồ chứa nước; Lập quy trình bảo trì; Lập hồ sơ lưu trữ; Báo cáo hiện trạng công trình trước mùa mưa lũ; Xây dựng phương án phòng, chống thiên tai hàng năm; Lập Phương án bảo vệ công trình, Công ty đã thực hiện theo quy định. Đối với 06 nội dung cần có kinh phí để thực hiện gồm: Lập, điều chỉnh bổ sung Quy trình vận hành điều tiết hồ chứa nước; Kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước; Lắp đặt thiết bị quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng; Lập và thực hiện Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp; Cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa; Xây dựng bản đồ ngập lụt, hiện nay chưa được thực hiện đầy đủ theo quy định. Hiện tại còn 05 hồ chưa được cắm mốc bảo vệ lòng hồ; 14 hồ, đập đã có quy trình vận hành điều tiết nhưng chưa được điều chỉnh, bổ sung theo quy định mới; 12 hồ, đập chưa có Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp; 13 hồ, đập chưa có bản đồ ngập lụt; 14 hồ, đập chưa được lắp thiết bị quan trắc KTTV chuyên dùng; 18 hồ, đập chưa được kiểm định an toàn đập.

Bên cạnh đó các hạng mục của một số hồ đập bị xuống cấp hư hỏng như: Thâm qua đập Phú Dụng; hư hỏng các khớp nối thân công Đá Mài, Tân Kim, Nghĩa Hy, Ái Tử, Bảo Đài; thâm qua tràn Nghĩa Hy; các cửa tràn xả lũ Trúc Kinh, Ái Tử, Khe Mây bị gỉ sét, mài mòn...vv, cần phải sửa chữa để đảm bảo an toàn công trình trước mùa mưa lũ, nhưng hiện nay chưa có kinh phí để thực hiện.

c) Về công tác bảo vệ hành lang an toàn công trình thủy lợi:

Trong những năm qua, Công ty đã kịp thời xây dựng Phương án bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn Công ty quản lý; cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình đầu mối các hồ, đập. Tổ chức kiểm tra rà soát, thống kê các vụ vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi. Vận động các tổ chức, các nhân vi phạm tự giải tỏa các công trình vi phạm; đồng thời phối hợp với chính quyền địa phương để xử lý các vụ vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi. Nhưng do trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; nhất là các đầu mối hồ, đập; các tuyến kênh đi qua vùng khu dân cư, trước đây khi xây dựng xong chưa được cắm mốc chỉ giới bảo vệ nên không xác định rõ ranh giới công trình, dẫn đến một số nơi người dân trồng cây, xây dựng chuồng trại chăn nuôi, nhà ở sau đó đã được cấp Giấy quyền sử dụng đất. Vì vậy các hoạt động vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình (trên đất đã được cấp quyền sử dụng) rất khó xử lý. Công ty đã vận động các cá nhân có các hoạt động vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi tự giải tỏa; đồng thời phối hợp với chính quyền địa phương để xử lý những trường hợp không tự giải tỏa nhưng kết quả nhiều vụ việc chỉ dừng lại ở bước lập biên bản và chưa có hướng giải quyết xử lý.

d) Công tác duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp sửa chữa công trình:

Đối với công tác sửa chữa thường xuyên (SCTX): Theo định mức KTKT kinh phí bảo trì của Công ty hàng năm là: 0,35% nguyên giá tài sản Công ty quản lý (0,35% x 1.640 tỷ = 5,74 tỷ đồng). Tuy nhiên hàng năm chỉ được bố trí từ 2,4 tỷ - 4,4

tỷ đồng đạt từ 0,15% đến 0,27% nguyên giá tài sản cố định Công ty quản lý. Do đó việc SCTX những năm qua chủ yếu chỉ thực hiện: nạo vét bồi lấp, vệ sinh cắt cỏ lòng kênh và bôi dầu mỡ bảo dưỡng thiết bị công trình, máy móc và thiết bị trạm bơm để phục vụ tưới; đối với các hồ đập chủ yếu chỉ thực hiện phát quang, nạo vét rãnh thoát nước, sơn chống rỉ các cửa tràn, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị vận hành tràn và công lấy nước.

Hiện nay có một số hồ đập do Công ty quản lý đã xuất hiện, hiện tượng thấm qua thân đập như hồ Triệu Thượng 1, 2, Nghĩa Hy, Tân Kim, Phú Dụng, Bàu Nhum. Ngoài ra, phần thủy công, cơ khí của các hạng mục công lấy nước, tràn xả lũ hầu hết được xây dựng từ những năm 80 của thế kỷ trước, nên phần lớn bị xuống cấp, han rỉ làm giảm khả năng chịu lực xảy ra ở các công trình: cửa tràn Trúc Kinh, Ái Tử, Khe Mây, Nghĩa Hy; cửa cống Nam Thạch Hãn, Đá Mài, Tân kim, Bàu Đài. Tuy nhiên do chưa có kinh phí nên chưa được sửa chữa nâng cấp.

Hệ thống kênh và công trình trên kênh tuy đã được kiên cố hóa, nhưng qua hơn 15 năm khai thác sử dụng, dưới tác động của thời tiết mưa lũ hàng năm đến nay nhiều công trình đã xuống cấp, hư hỏng chưa được khắc phục. Dẫn đến năng lực dẫn nước của kênh mương kém, tổn thất nước trên kênh lớn. Những năm xảy ra hạn hán, nắng nóng kéo dài việc cấp nước gặp nhiều khó khăn. Để đảm bảo cấp nước phục vụ sản xuất, hàng năm Công ty phải tổ chức thực hiện duy tu, sửa chữa và khắc phục một số công trình hư hỏng xuống cấp. Kinh phí để thanh toán cho các công việc trên phải trông chờ vào các nguồn hỗ trợ chống hạn, lụt bão từ Trung ương; thời gian kéo dài có khi qua đến năm sau mới được bố trí vốn; nên thủ tục hồ sơ nghiệm thu thanh toán gặp nhiều khó khăn; chưa có quy định hướng dẫn cụ thể để cho đơn vị chủ động thực hiện, ảnh hưởng lớn đến việc điều hành, hoạt động quản lý của đơn vị.

e) Công tác lập hồ sơ xin cấp Giấy khai thác sử dụng tài nguyên nước:

Hiện tại các công trình thủy lợi do Công ty quản lý thuộc đối tượng phải có giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt theo Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 Gồm có 36 công trình, trong đó: 15 hồ chứa nước; 02 đập dâng; 06 cống, đập ngăn mặn, giữ ngọt; 13 trạm bơm. (Chi tiết có Phụ lục I kèm theo)

Các công trình thủy lợi do Công ty quản lý thuộc đối tượng phải đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt theo Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 Gồm có 19 công trình, trong đó: 02 hồ chứa nước; 01 cống, đập ngăn mặn, giữ ngọt; 16 trạm bơm. (Chi tiết có Phụ lục II kèm theo)

Đối với các công trình thuộc diện phải đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt, Công ty đã lập hồ sơ đăng ký nhưng đến nay vẫn chưa được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận đăng ký.

Đối với các công trình thuộc diện phải lập hồ sơ xin cấp Giấy phép khai thác sử dụng nước mặt, hiện chưa được cấp kinh phí để thực hiện. Đầu năm 2024 thực hiện Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; các văn bản hướng dẫn lập hồ sơ xin cấp Giấy phép Khai thác sử dụng nước mặt; Công ty đã tổ chức lập hồ sơ xin cấp Giấy phép khai thác sử dụng nước mặt các công trình hồ chứa nước Trung Chỉ, hồ chứa nước Triệu Thượng 1 và hồ chứa nước Triệu Thượng 2 trình Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, nhưng vì không có kinh phí thuê đơn vị tư vấn đủ năng lực lập

báo cáo hiện trạng khai thác sử dụng nước nên hồ sơ Công ty lập theo Sở Tài nguyên và Môi trường là chưa đảm bảo về năng lực thực hiện nên chưa được thẩm định.

f) Về giao đất cho đơn vị quản lý

Công ty đang quản lý có 67 hạng mục công trình chưa được cấp chứng nhận quyền sử dụng đất (gồm: Nhà quản lý, trạm bơm). Công ty đã lập dự toán kinh phí thực hiện với tổng kinh phí là 190.677.000 đồng; Chưa có kinh phí để thực hiện.

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN.

1. Đánh giá tình hình thực hiện các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên (theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công); tiến độ thực hiện; những khó khăn, vướng mắc trong trường hợp dự án không đảm bảo tiến độ đã được phê duyệt:

- Công trình: Sửa chữa, nâng cấp các hệ thống thủy lợi do Công ty TNHH MTV quản lý khai thác công trình thủy lợi Quảng Trị quản lý, giai đoạn 2018-2020 được UBND tỉnh phê duyệt tại các Quyết định số: 1911/QĐ-UBND ngày 20/8/2018 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư; 2579/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của về việc phê duyệt danh mục các công trình do Công ty TNHH MTV QLKTCT Thủy lợi Quảng Trị quản lý để thực hiện đầu tư từ nguồn vốn điều lệ bổ sung; 1806/QĐ-UBND ngày 07/7/2020 về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình; 3475/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 về việc phê duyệt điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án: Sửa chữa, nâng cấp các hệ thống thủy lợi do Công ty TNHH MTV QL KTCT Thủy lợi Quảng Trị quản lý (*Bổ sung hạng mục sửa chữa, nâng cấp, cải tạo các trụ sở làm việc của Công ty: Trụ sở làm việc của Xí nghiệp Thủy nông Gio Cam Hà; Nhà quản lý Cụm thủy nông Ái Tử; Trụ sở làm việc Xí nghiệp Thủy nông Vĩnh Linh; xây mới Nhà vận hành tràn xả lũ hồ chứa nước Ái Tử*).

Dự án nhóm B. Tổng mức đầu tư: 131.834.000.000 đồng. Nguồn vốn thực hiện dự án: được bổ sung vốn điều lệ công ty từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo các Quyết định số: 843/QĐ-TTg ngày 08/7/2019 của Thủ tướng Chính phủ; 1213/QĐ-BTC ngày 18/9/2019 của Bộ Tài chính). Thời gian thực hiện 2018-2020, gia hạn đến 31/12/2023.

- Về việc điều chỉnh mục tiêu, quy mô vốn của dự án trong kỳ: Không.

- Đánh giá về tiến độ thực hiện dự án so với kế hoạch: Do một số nguyên nhân khách quan gây chậm tiến độ thực hiện dự án so với kế hoạch như việc chậm cấp vốn từ Bộ Tài chính, ảnh hưởng của dịch bệnh Covid, tình trạng khan hiếm vật liệu xây dựng vào năm 2021 trên địa bàn tỉnh, điều kiện thời tiết không thuận lợi vào các tháng cuối năm 2021, đầu năm 2022 và tính chất đặc thù của công trình là vừa sửa chữa thi công vừa đảm bảo tưới tiêu theo mùa vụ. Việc điều chỉnh thời gian thực hiện dự án đến hết ngày 31/12/2023; cho gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng xây lắp đến hết ngày 31/3/2023 đã được cấp quyết định đầu tư phê duyệt theo đúng quy định (Văn bản số 2980/UBND-KT ngày 29/6/2022 của UBND tỉnh Quảng Trị). Dự án thực hiện đảm bảo tiến độ.

- Đánh giá tiến độ giải ngân vốn so với kế hoạch: Đến thời điểm ngày 31/12/2023: khối lượng thực hiện nghiệm thu: 125.741 triệu đồng, giải ngân 102.021 triệu đồng. Đến 30/3/2024 giải ngân 116.879 triệu đồng, còn 8.881,8 triệu đồng chi phí bảo hành, giám sát tác giả.

BẢNG SỐ 2: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Vốn vay (tỷ đồng)	Vốn khác (tỷ đồng)	Tổng giá trị thực hiện tính đến thời điểm báo cáo (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án (từ năm ... đến năm...)
Dự án nhóm B	Sửa chữa, nâng cấp các CT thủy lợi do Cty TNHH MTV QLKTCTTL Quảng Trị quản lý	131,834	131,834			125.741	2018-31/12/2023

2. Các khoản đầu tư tài chính: Không

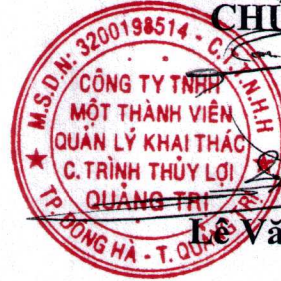
III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON: Không có

Trên đây là báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty TNHH MTV QLKT CTTL Quảng Trị./.

Nơi nhận:

- UBND Tỉnh Quảng Trị;
- Sở Kế hoạch & Đầu tư;
- Lãnh đạo Công ty;
- Lưu VT, KT.

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH**



Lê Văn Trường



Phụ lục I
DANH SÁCH CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI THUỘC ĐỐI TƯỢNG PHẢI CÓ
GIẤY PHÉP KHAI THÁC SỬ DỤNG NƯỚC MẶT THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ
02/2023/NĐ-CP NGÀY 01/02/2023

(Kèm theo Báo cáo số 122/BC-TN ngày 20/6/2024 của Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi Quảng Trị)

TT	Tên công trình	Dung tích toàn bộ Vtb ($10^6 m^3$)	Q đầu kênh chính (m^3/s)	Cơ quan cấp phép theo Nghị định số 02/2023/NĐ-CP	Tình hình thực hiện cấp phép
I	Các hồ, đập				
1	Hồ chứa nước Trúc Kinh	39,2	4,3	Bộ TN & MT	Hiện nay đang tiếp tục thực hiện theo giấy phép được cấp (QĐ số 1862/QĐ-UBND ngày 30/8/2007), có thời hạn đến tháng 9/2027
2	Hồ chứa nước La Ngà	34,598	3,52	Bộ TN & MT	Hiện nay đang tiếp tục thực hiện theo giấy phép được cấp (QĐ số 1859/QĐ-UBND ngày 30/8/2007), có thời hạn đến tháng 9/2027
3	Hồ chứa nước Bảo Đài	25,5	2,6	Bộ TN & MT	Hiện nay đang tiếp tục thực hiện theo giấy phép được cấp (QĐ số 1858/QĐ-UBND ngày 30/8/2007), có thời hạn đến tháng 9/2027
4	Hồ chứa nước Kinh Môn	15,933	2,48	Bộ TN & MT	Hiện nay đang tiếp tục thực hiện theo giấy phép được cấp (QĐ số 1860/QĐ-UBND ngày 30/8/2007), có thời hạn đến tháng 9/2027
5	Đập dâng Nam Thạch Hãn		28,6	Bộ TN & MT	Chưa có giấy phép, Công ty đã lập kế hoạch thực hiện xin cấp phép trong thời gian tới
6	Hồ chứa nước Ái Tử	15,27	1,9	UBND tỉnh	Hiện nay đang tiếp tục thực hiện theo giấy phép được cấp (QĐ số 1864/QĐ-UBND ngày 30/8/2007), có thời hạn đến tháng 9/2027
7	Hồ chứa nước Khe Mây	1,85	0,32	nt	Hiện nay đang tiếp tục thực hiện theo giấy phép được cấp (QĐ số 1865/QĐ-UBND ngày 30/8/2007), có thời hạn đến tháng 9/2027

8	Hồ chứa nước Nghĩa Hy	3,48	0,59	nt	Hiện nay đang tiếp tục thực hiện theo giấy phép được cấp (QĐ số 1863/QĐ-UBND ngày 30/8/2007), có thời hạn đến tháng 9/2027
9	Hồ chứa nước Hà Thượng	14,7	1	nt	Hiện nay đang tiếp tục thực hiện theo giấy phép được cấp (QĐ số 1861/QĐ-UBND ngày 30/8/2007), có thời hạn đến tháng 9/2027
10	Hồ chứa nước Triệu thượng 1	4,114	0,33	nt	Đã làm hồ sơ cấp phép gửi Sở TN&MT
11	Hồ chứa nước Triệu thượng 2	4,300	0,28	nt	nt
12	Hồ chứa nước Trung Chỉ	1,951	0,213	nt	nt
13	Hồ chứa nước Đá Mài	8,271	0,921	nt	Chưa có giấy phép, Công ty đã lập kế hoạch thực hiện xin cấp phép trong thời gian tới
14	Hồ chứa nước Tân Kim	6,171	0,65	nt	nt
15	Hồ chứa nước Phú Dụng	0,495	0,066	nt	nt
16	Hồ chứa nước Bàu Nhum	6,810	0,95	nt	nt
17	Đập dâng Sa Lung		1,06	nt	nt
II	Cống, đập ngăn mặn		Lưu lượng khai thác (m³/s)		
1	Đập ngăn mặn Sông Hiếu		2,45	UBND tỉnh	Hiện nay đang tiếp tục thực hiện Giấy phép số 65/GP-BTNMT ngày 30/3/2020 có thời hạn đến tháng 3/2030.
2	Đập ngăn mặn Vĩnh Phước		1,208	UBND tỉnh	Hiện nay đang tiếp tục thực hiện theo giấy phép được cấp (QĐ số 1867/QĐ-UBND ngày 30/8/2007), có thời hạn đến tháng 9/2027
3	Đập ngăn mặn Việt yên		2,819	UBND tỉnh	Chưa có giấy phép, Công ty đã lập kế hoạch thực hiện xin cấp phép trong thời gian tới
4	Cống ngăn mặn Xuân Hòa		1,987	nt	nt
5	Cống ngăn mặn Mai Xá		1,945	nt	nt

6	Công ngăn mặn Bến Tám		1,167	nt	nt
III	Các trạm bơm		Lưu lượng khai thác (m³/s)		
1	Trạm bơm Vĩnh Phước		1,208	UBND tỉnh	Hiện nay đang tiếp tục thực hiện theo giấy phép được cấp (QĐ số 1867/QĐ-UBND ngày 30/8/2007), có thời hạn đến tháng 9/2027
2	Trạm bơm Cam Lộ		1,906	nt	Hiện nay đang tiếp tục thực hiện theo giấy phép được cấp (QĐ số 1858/QĐ-UBND ngày 30/8/2007), có thời hạn đến tháng 9/2027
3	Trạm bơm Hiếu Bắc		0,544	nt	Chưa có giấy phép, Công ty đã lập kế hoạch thực hiện xin cấp phép trong thời gian tới
4	Trạm bơm Phước Lễ		0,806	nt	nt
5	Trạm bơm Hiền Lương		1,208	nt	nt
6	Trạm bơm Quảng Điền		0,806	nt	nt
7	Trạm bơm Mò Ó		0,522	nt	nt
8	Trạm bơm Nhĩ Hạ		0,806	nt	nt
9	Trạm bơm Bến Ngự		0,806	nt	nt
10	Trạm bơm Thủy Khê		0,806	nt	nt
11	Trạm bơm Kinh Môn		0,556	nt	nt
12	Trạm bơm Cao Xá		0,778	nt	nt
13	Trạm bơm Sa Lung		0,806	nt	nt

- Đối với các công trình hiện đang thực hiện theo giấy phép được cấp, sau khi hết hạn Công ty tiếp tục làm hồ sơ xin cấp phép theo quy định của Nghị định số 02/2023/NĐ-CP.

Phụ lục II

DANH SÁCH CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI THUỘC ĐỐI TƯỢNG PHẢI ĐĂNG KÝ KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 02/2023/NĐ-CP NGÀY 01/02/2023

(Kèm theo Báo cáo số 122/BC-TN ngày 20/6/2024 của Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi Quảng Trị)

TT	Tên công trình	Dung tích toàn bộ Vtb (10 ⁶ m ³)	Q đầu kênh chính (m ³ /s)	Cơ quan cấp phép theo Nghị định số 02/2023/NĐ-CP	Tình hình thực hiện cấp phép
I	Các hồ, đập				
1	Hồ chứa nước Rú Lịnh	0,195	0,2	Sở TN&MT	Đã làm tờ khai đăng ký gửi Sở TNMT
2	Hồ chứa nước Bản Chùa 2	0,200	0,005	nt	nt
II	Công, đập ngăn mặn		Lưu lượng khai thác (m³/s)		
3	Đập Triệu Giang		0,389	Sở TN&MT	Đã làm tờ khai đăng ký gửi Sở TNMT
III	Các trạm bơm		Lưu lượng khai thác (m³/s)		
1	Trạm bơm Bắc Phước		0,167	Sở TN&MT	Đã làm tờ khai đăng ký gửi Sở TNMT
2	Trạm bơm N4-18		0,500	nt	nt
3	Trạm bơm Ái Tử		0,389	nt	nt
4	Trạm bơm Đông Giang		0,289	nt	nt
5	Trạm bơm Tân Minh		0,333	nt	nt
6	Trạm bơm N12-4		0,167	nt	nt
7	Trạm bơm Gio Quang		0,333	nt	nt
8	Trạm bơm Xuân		0,403	nt	nt

	Long				
9	Trạm bơm Tiên Lai		0,389	nt	nt
10	Trạm bơm Tiên Lai 2		0,167	nt	nt
11	Trạm bơm N2-1 (P. Hiền 1)		0,167	nt	nt
12	Trạm bơm N2-3 (P. Hiền 2)		0,167	nt	nt
13	Trạm bơm N2-5 (P. Hiền 3)		0,167	nt	nt
14	Trạm bơm Lâm Cao		0,111	nt	nt
15	Trạm bơm Bình An		0,161	nt	nt
16	Trạm bơm Tân Mỹ		0,500	nt	nt